CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết luật thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện

Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung bởi các văn bản sau:

1. Nghị định số 43/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 7 năm 2009.

2. Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2009.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,[1]

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

---

[1] Nghị định số 43/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,"

Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,"

Nghị định này quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện và điều kiện để được kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với thương nhân theo quy định của Luật Thương mại và tổ chức, cá nhân khác thực hiện các hoạt động có liên quan đến thương mại tại Việt Nam.

Điều 3. Áp dụng pháp luật có liên quan và Điều ước quốc tế

1. Hoạt động thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện phải tuân theo Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 4. Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện

1. Ban hành kèm theo Nghị định này các danh mục hàng hóa, dịch vụ sau đây:

a) Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh (Phụ lục I);

b) Danh mục hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh (Phụ lục II);

c) Danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện (Phụ lục III).

2. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Thương mại trình Chính phủ bổ sung, sửa đổi các danh mục tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh

1. Nghiêm cấm thương nhân và tổ chức, cá nhân khác thực hiện các hoạt động có liên quan đến thương mại tại Việt Nam kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc cung ứng hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp cụ thể phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

Điều 6. Điều kiện kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh

1. Hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh phải đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật;

b) Thương nhân kinh doanh phải là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

c) Cơ sở kinh doanh phải bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị, quy trình kinh doanh và các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật;

d) Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân viên trực tiếp mua bán hàng hóa, nhân viên trực tiếp thực hiện dịch vụ phải bảo đảm các yêu cầu về trình độ nghiệp vụ, chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp và sức khỏe theo quy định của pháp luật;

đ) Phạm vi, quy mô, thời gian, địa điểm kinh doanh, số lượng thương nhân tham gia kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh phải phù hợp với yêu cầu quản lý đặc thù và quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ đó trong từng thời kỳ;

e) Thương nhân kinh doanh phải có Giấy phép kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với Bộ Thương mại xây dựng, trình Chính phủ ban hành quy định về kinh doanh mặt hàng thuốc lá, rượu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, thương nhân phải thường xuyên bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật về hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh.

4. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan quản lý ngành có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và hướng dẫn việc cấp Giấy phép kinh doanh.

Điều 7. Điều kiện kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện

1. Hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh phải đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật;

b) Chủ thể kinh doanh phải là thương nhân theo quy định của Luật Thương mại;

c) Cơ sở kinh doanh phải bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị, quy trình kinh doanh và các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật; địa điểm đặt cơ sở kinh doanh phải phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện;

d) Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân viên trực tiếp mua bán hàng hóa, nhân viên trực tiếp thực hiện dịch vụ phải bảo đảm các yêu cầu về trình độ nghiệp vụ, chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp và sức khỏe theo quy định của pháp luật;

đ) Thương nhân kinh doanh phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong trường hợp pháp luật quy định phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp khi kinh doanh.

2. Bộ Thương mại chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành quy định về kinh doanh mặt hàng xăng, dầu, khí đốt phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, thương nhân phải thường xuyên bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật về hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện.

4. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan quản lý ngành có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện và hướng dẫn việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

Điều 8. Kiểm tra điều kiện kinh doanh

1. Nội dung kiểm tra điều kiện kinh doanh:

Thương nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh hoặc hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện phải chịu sự kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền về điều kiện kinh doanh và việc thực hiện điều kiện kinh doanh trong quá trình kinh doanh.

2. Hình thức kiểm tra điều kiện kinh doanh:

a) Kiểm tra định kỳ: kiểm tra theo từng thời gian nhất định việc tuân thủ các điều kiện kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thương nhân đã đăng ký kinh doanh. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan quản lý ngành quy định, công bố thời gian thực hiện việc kiểm tra định kỳ;

b) Kiểm tra không định kỳ: kiểm tra khi thương nhân có dấu hiệu không tuân thủ các điều kiện quy định.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan quản lý ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện kinh doanh của thương nhân theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này.

Điều 9. Xử lý vi phạm

1. Thương nhân và tổ chức, cá nhân khác hoạt động có liên quan đến thương mại tại Việt Nam có một trong các hành vi vi phạm sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật:

a) Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này;

b) Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh hoặc hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện mà không đáp ứng các điều kiện kinh doanh hoặc trong quá trình hoạt động kinh doanh không thực hiện đúng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật;

c) Cho thuê, cho mượn Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

d) Tự viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa các nội dung trong Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

đ) Kinh doanh không đúng nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

e) Tiếp tục hoạt động kinh doanh khi đã bị tước hoặc thu hồi Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

g) Vi phạm các quy định khác của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Cán bộ, công chức có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái với các quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hiệu lực thi hành[2]

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 11/1999/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 1999 của Chính phủ về hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện, hàng hóa, dịch vụ thương mại hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện; Nghị định số 73/2002/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2002 của Chính phủ bổ sung hàng

---

[2] Điều 2 Nghị định số 43/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 7 năm 2009 quy định như sau:

"*Điều 2.* *Hiệu lực thi hành*

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 7 năm 2009.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./."

Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2009, quy định như sau:

"***Điều 48. Hiệu lực thi hành***

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2009.

Nghị định này thay thế Nghị định số 27/CP ngày 20 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ về quản lý, sản xuất, cung ứng và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; thay thế Điều 9 Nghị định số 47/CP ngày 12 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; thay thế Chương IV Quy chế quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ban hành kèm theo Nghị định số 47/CP ngày 12 tháng 8 năm 1996. Bãi bỏ khoản 3 của Danh mục hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh (Phụ lục II) ban hành kèm theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện; bãi bỏ các quy định trái với Nghị định này."

hóa, dịch vụ thương mại vào Danh mục 1 về hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện, Danh mục 3 về hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Nghị định số 11/1999/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 1999 của Chính phủ.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Thương mại có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị định này./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 19/VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2014

BỘ TRƯỞNG

Vũ Huy Hoàng

Phụ lục I
DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ CẤM KINH DOANH
(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ)

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành (*)	Cơ quan quản lý ngành
A	**Hàng hóa**		
1	Vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; quân trang (bao gồm cả phù hiệu, cấp hiệu, quân hiệu của quân đội, công an), quân dụng cho lực lượng vũ trang; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng	Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996; Nghị định số 100/2005/NĐ-CP	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
2	Các chất ma túy	Luật Phòng, chống ma túy năm 2000; Nghị định số 67/2001/NĐ-CP; Nghị định số 133/2003/ NĐ-CP	Bộ Công an
3	Hóa chất bảng 1 (theo Công ước quốc tế)	Nghị định số 100/2005/NĐ-CP	Bộ Công nghiệp
4	Các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách	Luật Xuất bản năm 2004; Nghị định số 03/2000/NĐ-CP	Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Công an
5	Các loại pháo	Nghị định số 03/2000/NĐ-CP	Bộ Công an
6	Đồ chơi nguy hiểm, đồ chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội (bao gồm cả chương trình trò chơi điện tử)	Nghị định số 03/2000/NĐ-CP	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an
7	Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật cấm hoặc chưa được phép sử dụng tại Việt Nam theo quy định tại Pháp lệnh Thú y, Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Pháp lệnh Thú y năm 2004; Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2001	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản

(*) Trường hợp văn bản pháp luật hiện hành có sự thay đổi (sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế) thì áp dụng theo sự thay đổi đó.

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành (*)	Cơ quan quản lý ngành
8	Thực vật, động vật hoang dã (bao gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đó được chế biến) thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác và sử dụng	Công ước CITES; Nghị định số 32/2006/NĐ-CP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản
9	Thủy sản cấm khai thác, thủy sản có dư lượng chất độc hại vượt quá giới hạn cho phép, thủy sản có độc tố tự nhiên gây nguy hiểm đến tính mạng con người	Luật Thủy sản năm 2003	Bộ Thủy sản
10	Phân bón không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam	Nghị định số 113/2003/NĐ-CP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Giống cây trồng không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh; giống cây trồng gây hại đến sản xuất và sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái	Pháp lệnh Giống cây trồng năm 2004	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12	Giống vật nuôi không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh; giống vật nuôi gây hại cho sức khỏe con người, nguồn gen vật nuôi, môi trường, hệ sinh thái	Pháp lệnh Giống vật nuôi năm 2004	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Thủy sản
13	Khoáng sản đặc biệt, độc hại	Luật Khoáng sản năm 1996; Nghị định số 160/2005/NĐ-CP	Bộ Tài nguyên và Môi trường
14	Phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường	Nghị định số 175/CP ngày 18/10/1994	Bộ Tài nguyên và Môi trường
15	Các loại thuốc chữa bệnh cho người, các loại vắc xin, sinh phẩm y tế, mỹ phẩm, hóa chất và chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế chưa được phép sử dụng tại Việt Nam	Luật Dược năm 2005; Pháp lệnh Hành nghề y dược tư nhân năm 2003	Bộ Y tế
16	Các loại trang thiết bị y tế chưa được phép sử dụng tại Việt Nam	Pháp lệnh Hành nghề y dược tư nhân năm 2003	Bộ Y tế

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành (*)	Cơ quan quản lý ngành
17	Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng, thực phẩm có nguy cơ cao, thực phẩm được bảo quản bằng phương pháp chiếu xạ, thực phẩm có gen đã bị biến đổi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép	Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2003	Bộ Y tế
18	Sản phẩm, vật liệu có chứa amiăng thuộc nhóm amfibole	Nghị định số 12/2006/NĐ-CP	Bộ Xây dựng
[3]19	Thuốc lá điếu, xì gà và các dạng thuốc lá thành phẩm khác nhập lậu	Nghị định này	Bộ Công Thương
B	**Dịch vụ**		
1	Kinh doanh mại dâm, tổ chức mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em	Nghị định số 03/2000/NĐ-CP	Bộ Công an
2	Tổ chức đánh bạc, gá bạc dưới mọi hình thức	Nghị định số 03/2000/NĐ-CP	Bộ Công an
3	Dịch vụ điều tra bí mật xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân	Nghị định số 14/2001/NĐ-CP	Bộ Công an
4	Hoạt động kinh doanh môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài nhằm mục đích kiếm lời	Nghị định số 68/2002/NĐ-CP	Bộ Tư pháp
5	Hoạt động kinh doanh môi giới nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nhằm mục đích kiếm lời	Nghị định số 68/2002/NĐ-CP	Bộ Tư pháp

[3] Số thứ tự này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 43/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 7 năm 2009.

Phụ lục II
DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ HẠN CHẾ KINH DOANH
(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành (*)	Cơ quan quản lý ngành
A	**Hàng hóa**		
1	Súng săn và đạn súng săn, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ	Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996; Nghị định số 08/2001/NĐ-CP	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban Thể dục -Thể thao
2	Hàng hóa có chứa chất phóng xạ, thiết bị phát bức xạ hoặc nguồn phóng xạ	Pháp lệnh An toàn và kiểm soát bức xạ năm 1996; Nghị định số 50/1998/NĐ-CP	Bộ Khoa học và Công nghệ
3[4] ***(được bãi bỏ)***			
4	Hóa chất bảng 2 và bảng 3 (theo Công ước quốc tế)	Nghị định số 100/2005/NĐ-CP	Bộ Công nghiệp
5	Thực vật, động vật hoang dã quý hiếm (bao gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến)	Công ước CITES; Nghị định số 32/2006/NĐ-CP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thuốc lá điếu, xì gà và các dạng thuốc lá thành phẩm khác	Nghị định số 76/2001/NĐ-CP và Nghị định này	Bộ Công nghiệp, Bộ Thương mại
7	Rượu các loại	Nghị định này	Bộ Công nghiệp
B	**Dịch vụ**		
1	Dịch vụ karaoke, vũ trường	Nghị định số 11/2006/NĐ-CP; Nghị định số 08/2001/NĐ-CP	Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Công an

[*] Trường hợp văn bản pháp luật hiện hành có sự thay đổi (sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế) thì áp dụng theo sự thay đổi đó.

[4] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2009.

Phụ lục III
DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ)

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành (*)	Cơ quan quản lý ngành
	Mục 1 **Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**		
A	**Hàng hóa**		
1	Xăng, dầu các loại	Nghị định này	Bộ Thương mại
2	Khí đốt các loại (bao gồm cả hoạt động chiết nạp)	Nghị định này	Bộ Thương mại
3	Các thuốc dùng cho người	Luật Dược năm 2005	Bộ Y tế
4	Thực phẩm thuộc Danh mục thực phẩm có nguy cơ cao	Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2003; Nghị định số 163/2004/NĐ-CP	Bộ Y tế
5	Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật; nguyên liệu sản xuất thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật	Pháp lệnh Thú y năm 2004; Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2001	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản
6	Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Luật Di sản văn hóa năm 2001; Nghị định số 92/2002/NĐ-CP	Bộ Văn hóa - Thông tin
7	Phim, băng, đĩa hình (bao gồm cả hoạt động in, sao chép)	Nghị định số 11/2006/NĐ-CP	Bộ Văn hóa - Thông tin
8	Nguyên liệu thuốc lá	Nghị định số 76/2001/NĐ-CP	Bộ Công nghiệp
B	**Dịch vụ**		
1	Dịch vụ y tế; dịch vụ y, dược cổ truyền	Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân năm 2003; Nghị định số 103/2003/NĐ-CP	Bộ Y tế

(*) Trường hợp văn bản pháp luật hiện hành có sự thay đổi (sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế) thì áp dụng theo sự thay đổi đó.

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành (*)	Cơ quan quản lý ngành
2	Dịch vụ kinh doanh thuốc bao gồm dịch vụ bảo quản thuốc và kiểm nghiệm thuốc	Luật Dược năm 2005	Bộ Y tế
3	Hành nghề thú y	Pháp lệnh Thú y năm 2004	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản
4	Hành nghề xông hơi khử trùng	Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2001	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông	Pháp lệnh Bưu chính, viễn thông năm 2002; Nghị định số 160/2004/NĐ-CP	Bộ Bưu chính, Viễn thông
6	Dịch vụ truy nhập Internet (ISP)	Nghị định số 55/2001/NĐ-CP	Bộ Bưu chính,Viễn thông
7	Dịch vụ kết nối Internet (IXP)	Nghị định số 55/2001/NĐ-CP	Bộ Bưu chính, Viễn thông
8	Dịch vụ ứng dụng Internet trong bưu chính, viễn thông (OSP bưu chính, OSP viễn thông)	Nghị định số 55/2001/NĐ-CP	Bộ Bưu chính, Viễn thông
9	Cung cấp dịch vụ bưu chính	Pháp lệnh Bưu chính, viễn thông năm 2002; Nghị định số 157/2004/NĐ-CP	Bộ Bưu chính, Viễn thông
10	Dịch vụ chuyển phát thư trong nước và nước ngoài	Pháp lệnh Bưu chính, viễn thông năm 2002; Nghị định số 157/2004/NĐ-CP	Bộ Bưu chính, Viễn thông
11	Phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện và tư vấn chuyên ngành về điện lực	Luật Điện lực năm 2004	Bộ Công nghiệp
12	Dịch vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật	Nghị định số 11/2006/NĐ-CP	Bộ Văn hóa - Thông tin

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành (*)	Cơ quan quản lý ngành
13	Dịch vụ hợp tác làm phim	Nghị định số 48/CP ngày 17/7/1995	Bộ Văn hóa - Thông tin
14	Dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế	Nghị định số 125/2003/NĐ-CP	Bộ Giao thông vận tải
15	Dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải	Nghị định số 125/2004/NĐ-CP	Bộ Giao thông vận tải
16	Các dịch vụ bảo hiểm: - Bảo hiểm nhân thọ; - Bảo hiểm phi nhân thọ; - Tái bảo hiểm; - Môi giới bảo hiểm; - Đại lý bảo hiểm.	Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000; Nghị định số 42/2001/NĐ-CP; Nghị định số 43/2001/NĐ-CP	Bộ Tài chính
17	Các dịch vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán: - Môi giới chứng khoán; tự kinh doanh chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; - Bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương; - Đấu thầu trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương	Nghị định số 141/2003/NĐ-CP; Nghị định số 144/2003/NĐ-CP	Bộ Tài chính
18	Dịch vụ xuất khẩu lao động	Nghị định số 81/2003/NĐ-CP	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
19	Dịch vụ pháp lý (bao gồm cả tư vấn pháp luật và bào chữa) do luật sư Việt Nam thực hiện	Pháp lệnh Luật sư năm 2001; Nghị định số 94/2001/NĐ-CP	Bộ Tư pháp
20	Dịch vụ tư vấn pháp luật do luật sư nước ngoài thực hiện	Nghị định số 87/2003/NĐ-CP	Bộ Tư pháp

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành (*)	Cơ quan quản lý ngành
21	Dịch vụ khắc dấu	Nghị định số 08/2001/NĐ-CP	Bộ Công an
22	Dịch vụ bảo vệ	Nghị định số 14/2001/NĐ-CP	Bộ Công an
23	Dịch vụ lữ hành quốc tế	Luật Du lịch năm 2005	Tổng cục Du lịch
	Mục 2 **Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**		
A	**Hàng hóa**		
1	Các loại hóa chất độc khác không thuộc hóa chất bảng (theo Công ước quốc tế)	Nghị định số 100/2005/NĐ-CP	Bộ Công nghiệp
2	Thực phẩm ngoài Danh mục thực phẩm có nguy cơ cao, nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2003; Nghị định số 163/2004/NĐ-CP; Nghị định số 59/2005/NĐ-CP	Bộ Y tế, Bộ Thủy sản
3	Các loại trang thiết bị y tế	Pháp lệnh Hành nghề y dược tư nhân năm 2003	Bộ Y tế
4	Ngư cụ (bao gồm cả nguyên liệu để chế tạo ngư cụ) và trang thiết bị khai thác thủy sản	Nghị định số 59/2005/NĐ-CP	Bộ Thủy sản
5	Thức ăn nuôi thủy sản	Nghị định số 59/2005/NĐ-CP	Bộ Thủy sản
6	Giống vật nuôi được phép sản xuất kinh doanh	Pháp lệnh Giống vật nuôi năm 2004; Nghị định số 59/2005/NĐ-CP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản
7	Thức ăn chăn nuôi	Nghị định số 15/CP ngày 19/3/1996	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành (*)	Cơ quan quản lý ngành
8	Giống cây trồng chính, giống cây trồng quý hiếm cần bảo tồn	Pháp lệnh Giống cây trồng năm 2004	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Phân bón	Nghị định số 113/2003/NĐ-CP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Vật liệu xây dựng	Luật Xây dựng năm 2003	Bộ Xây dựng
11	Than mỏ	Luật Khoáng sản năm 1996; Nghị định số 160/2005/NĐ-CP	Bộ Công nghiệp
12	Vật tư, thiết bị viễn thông (trừ thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến)	Pháp lệnh Bưu chính, viễn thông năm 2002; Nghị định số 160/2004/NĐ-CP	Bộ Bưu chính, Viễn thông
13	Thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến	Pháp lệnh Bưu chính, viễn thông năm 2002; Nghị định số 24/2004/NĐ-CP	Bộ Bưu chính, Viễn thông
14	Các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động	Bộ luật Lao động; Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995; Nghị định số 110/2002/NĐ-CP	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế
15	Vàng	Nghị định số 174/1999/NĐ-CP; Nghị định số 64/2003/NĐ-CP	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
B	**Dịch vụ**		
1	Giết mổ, sơ chế động vật, sản phẩm động vật; bảo quản, vận chuyển sản phẩm động vật sau giết mổ, sơ chế	Pháp lệnh Thú y năm 2004	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành (*)	Cơ quan quản lý ngành
2	Dịch vụ về giống cây trồng, vật nuôi theo Pháp lệnh Giống cây trồng và Pháp lệnh Giống vật nuôi	Pháp lệnh Giống cây trồng năm 2004; Pháp lệnh Giống vật nuôi năm 2004	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản
3	Đại lý dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát thư (bao gồm cả đại lý dịch vụ chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát nước ngoài)	Pháp lệnh Bưu chính, viễn thông năm 2002; Nghị định số 157/2004/NĐ-CP	Bộ Bưu chính, Viễn thông
4	Đại lý dịch vụ viễn thông	Pháp lệnh Bưu chính, viễn thông năm 2002; Nghị định số 160/2004/NĐ-CP	Bộ Bưu chính, Viễn thông
5	Đại lý dịch vụ Internet công cộng	Nghị định số 55/2001/NĐ-CP	Bộ Bưu chính, Viễn thông
6	Dịch vụ phát hành xuất bản phẩm	Luật Xuất bản năm 2004	Bộ Văn hóa - Thông tin
7	Dịch vụ quảng cáo	Pháp lệnh Quảng cáo năm 2001; Nghị định số 24/2003/NĐ-CP	Bộ Văn hóa - Thông tin
8	Dịch vụ cho thuê lưu trú	Nghị định số 08/2001/NĐ-CP	Bộ Công an
9	Dịch vụ kinh doanh các tòa nhà cao trên 10 tầng làm khách sạn, nhà ở, văn phòng làm việc	Nghị định số 08/2001/NĐ-CP	Bộ Công an
10	Dịch vụ cầm đồ	Nghị định số 08/2001/NĐ-CP	Bộ Công an
11	Dịch vụ in	Nghị định số 08/2001/NĐ-CP	Bộ Công an
12	Dịch vụ thành lập, in và phát hành các loại bản đồ không thuộc phạm vi quản lý của cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương	Nghị định số 12/2002/NĐ-CP	Bộ Tài nguyên và Môi trường
13	Dịch vụ kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động	Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995; Nghị định số 110/2002/NĐ-CP	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành (*)	Cơ quan quản lý ngành
14	Dịch vụ dạy nghề; tư vấn dạy nghề	Nghị định số 02/2001/NĐ-CP	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
15	Dịch vụ giới thiệu việc làm	Nghị định số 19/2005/NĐ-CP	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
16	Dịch vụ vận tải bằng ô tô	Luật Giao thông đường bộ năm 2001; Nghị định số 92/2001/NĐ-CP	Bộ Giao thông vận tải
17	Dịch vụ vận tải đường sắt	Luật Đường sắt năm 2005	Bộ Giao thông vận tải
18	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt		
19	Các dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt		
20	Dịch vụ vận tải đường sắt đô thị		
21	Dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa	Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Nghị định số 21/2005/NĐ-CP	Bộ Giao thông vận tải
22	Dịch vụ xếp, dỡ hàng hóa, phục vụ hành khách tại cảng, bến thủy nội địa		
23	Dịch vụ vận tải đường thủy nội địa		
24	Dịch vụ đại lý tầu biển	Nghị định số 10/2001/NĐ-CP	Bộ Giao thông vận tải
25	Dịch vụ đại lý vận tải đường biển		
26	Dịch vụ môi giới hàng hải		
27	Dịch vụ cung ứng tầu biển		
28	Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa		
29	Dịch vụ lai dắt tầu biển		
30	Dịch vụ sửa chữa tầu biển tại cảng biển		
31	Dịch vụ vệ sinh tầu biển		
32	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa tại cảng biển		
33	Dịch vụ vận tải biển	Nghị định số 57/2001/NĐ-CP	Bộ Giao thông vận tải
34	Đại lý làm thủ tục hải quan	Luật Hải quan năm 2001; Nghị định số 79/2005/NĐ-CP	Bộ Tài chính

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành (*)	Cơ quan quản lý ngành
35	Dịch vụ kế toán	Luật Kế toán năm 2003; Nghị định số 129/2004/NĐ-CP	Bộ Tài chính
36	Dịch vụ kiểm toán và các dịch vụ liên quan khác về tài chính, kế toán, thuế	Luật Kế toán năm 2003; Nghị định số 105/2004/NĐ-CP	Bộ Tài chính
37	Dịch vụ thẩm định giá	Pháp lệnh Giá năm 2002; Nghị định số 101/2005/NĐ-CP	Bộ Tài chính
38	Các dịch vụ hoạt động xây dựng được quy định trong Luật Xây dựng	Luật Xây dựng năm 2003	Bộ Xây dựng
39	Dịch vụ cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà tại Việt Nam	Nghị định số 56/CP ngày 18/9/1995; Nghị định số 08/2001/NĐ-CP	Bộ Xây dựng, Bộ Công an
40	Dịch vụ lưu trú du lịch	Luật Du lịch năm 2005	Tổng cục Du lịch
41	Dịch vụ lữ hành nội địa		
42	Đại lý lữ hành		
43	Dịch vụ vận chuyển khách du lịch		
44	Dịch vụ du lịch trong khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch		
45	Dịch vụ hướng dẫn viên		
46	Dịch vụ giám định thương mại	Luật Thương mại năm 2005; Nghị định số 20/2006/NĐ-CP	Bộ Thương mại